

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 627/2019/HC-PT

Ngày: 08-7-2019

V/v khiếu kiện hành vi hành
chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Phương.

Các Thẩm phán:

Bà Đỗ Thanh Hương.

Ông Nguyễn Minh Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Thân Trọng Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2019/TLPT-HC ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án hành chính số 06/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2722/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Trần Thành L, sinh năm: 1966 (có mặt)

Địa chỉ: 69/2 đường N, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường N, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Mai Thị O, sinh năm 1986, Công chức Địa chính - Nng nghiệp - Xây dựng và Môi trường (có đơn xin vắng mặt).

3. *Người làm chứng:*

- Ông Lê Tín Đ.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Ông Phan Văn T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ H, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Tổ B, Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Ông Trần Văn N, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Ông Đỗ Thanh P, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Ông Trần Thành L - người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/3/2015, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 23/10/2017, và quá trình tố tụng người khởi kiện ông Trần Thành L trình bày: Tháng 8 năm 2001, ông Trần Thành L có làm đơn xin phép Ủy ban nhân dân xã T, huyện C được phép khai thác sử dụng khu đất 03 ha thuộc các thửa 29, 30, 31, 32, 33, 34-1, 35, 36, 37, 38, 39, 40 tờ bản đồ 56, tọa lạc tại khu vực M, ấp A, xã T, huyện C để nuôi trồng thủy sản. Ngày 06/9/2001, Ủy ban nhân dân xã T, huyện C đã xác nhận đơn và chấp nhận cho ông khai hoang, cải tạo đất để đưa vào sản xuất Nng nghiệp, xây dựng lên hệ thống ao hồ nuôi tôm công nghiệp, nhà cửa, lán trại để phục vụ sản xuất và đã sản xuất ổn định từ năm 2001. Quá trình khai hoang, thi công trang trại, tất cả các cơ quan ban ngành, chính quyền địa phương đều biết, không phản đối, không có bất kỳ văn bản nào ngăn chặn, Ủy ban nhân dân xã T có ra hiện trường kiểm tra thi công nhưng không có ý kiến gì và cũng không có ai tranh chấp. Từ năm 2001 cho đến nay vẫn chưa có thông báo hay quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh trực tiếp đến ông Trần Thành L và khu trang trại 03 ha này của ông L, hiện gia đình ông Trần Thành L đang là người quản lý, sử dụng hợp pháp khu trang trại này.

Ngày 19/9/2009 nhà cửa, lán trại để quản lý điều hành trang trại 03 ha của ông L bị một cơn lốc mạnh đã làm sập đổ hoàn toàn. Ngày 22/9/2009, để khôi phục lại sản xuất, ổn định đời sống, ông L tiến hành sửa chữa lại nhà cửa, lán trại theo hiện trạng ban đầu trên nền nhà cũ. Tuy nhiên, Thanh tra xây dựng xã T gồm ông Đoàn Minh S và Nguyễn Duy H đã triển khai lực lượng cưỡng chế, ngăn chặn không cho ông sửa chữa lại lán trại, nhà cửa theo chỉ đạo của Chủ tịch xã T (ông Châu Văn U) khi chưa có quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành, chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh đến ông L và khu trang trại 03 ha nêu trên. Thanh tra xây dựng xã T yêu cầu ông L phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cho phép thì mới cho xây dựng lại nhà, lán trại. Cùng ngày, ông L làm đơn xin phép xây dựng lại nhà, lán trại và vào Ủy ban nhân dân xã gặp Chủ tịch xã nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T không tiếp nhận đơn và vẫn cương quyết chỉ đạo Thanh tra xây dựng thực hiện việc cưỡng chế, đuổi toàn bộ

công nhân ra khỏi khu trang trại của ông L không cho sửa chữa lại nhưng cũng không lập biên bản vụ việc. Do vậy, toàn bộ dụng cụ, máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất cho khu trang trại 03 ha nuôi tôm công nghiệp của ông L đã bị mất hoàn toàn.

Ngày 25/9/2009, ông khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C nhưng không được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết. Trong thời gian 06 năm (từ tháng 9/2009 đến tháng 3/2015) ông đã liên tục khiếu nại, tố cáo hành vi sai phạm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C đã chỉ đạo lực lượng chức năng cưỡng chế, ngăn chặn ông dựng lại nhà cửa, lán trại bị sập do thiên tai gây ra vào ngày 22/9/2009 và hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C không giải quyết khiếu nại nêu trên của ông L nhưng cho đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Ngày 06/7/2011, ông Trần Thành L đã khởi kiện hành vi trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C vì chỉ đạo lực lượng chức năng cưỡng chế, ngăn chặn không cho ông L sửa chữa lại nhà cửa, lán trại bị sập do thiên tai gây ra vào ngày 22/9/2009, đến ngày 25/3/2015 Tòa án nhân dân huyện C mới thụ lý vụ kiện.

Hành vi cố ý vi phạm pháp luật nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đã xâm phạm đến quyền sử dụng đất, gây cản trở nghiêm trọng đến các hoạt động sản xuất nuôi tôm công nghiệp bình thường trên khu trang trại 03 ha nêu trên của ông L, xâm phạm nghiêm trọng đến tài sản, đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông L. Hành vi trên đã đẩy ông L đến cảnh thất nghiệp hơn 08 năm qua, cơ sở hạ tầng của trang trại bị hoang hóa, tài sản, máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất cho trang trại nuôi tôm bị hủy hoại, mất hoàn toàn, thiệt hại gây ra cho gia đình ông L là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi này đã cấu thành tội được Bộ luật hình sự năm 1999 quy định tại Điều 282 về Tội làm quyền trong thi hành công vụ.

Căn cứ vào quy định của Hiến pháp năm 2013, Bộ luật hình sự năm 1999 và năm 2015, Luật tổ chức Tòa án nhân dân và Thông T liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BNN&PTNN-VKSNDTC ngày 19/12/2017 đề nghị Tòa án nhân dân huyện C khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi vi phạm pháp luật nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, chuyển hồ sơ vụ án cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo có trong hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra có thẩm quyền để xử lý dấu hiệu tội phạm đúng theo quy định của Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp Tòa án không khởi tố và chuyển hồ sơ vụ án cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo có trong hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra có thẩm quyền để xử lý dấu hiệu tội phạm đúng theo quy định của Bộ luật hình sự thì đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

1. Xác định hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T trong việc chỉ đạo lực lượng Thanh tra xây dựng xã T cưỡng chế, ngăn chặn không cho ông L xây dựng lại lán trại, nhà cửa bị sập do thiên tai gây ra vào ngày 19/9/2009 tại khu trang trại 03 ha nêu trên của ông, không lập biên bản vụ việc nêu rõ lý do hay xác định lỗi vi phạm (nếu có) khi chưa có quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành và chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh trực tiếp đến ông L và khu trang trại 03 ha nêu trên của ông L là hành vi hành

chính trái pháp luật, vi phạm Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về “Tội lạm quyền trong thi hành công vụ”.

2. Xác định thiệt hại do hành vi trái pháp luật bị kiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và Thanh tra xây dựng xã T, huyện C gây ra cho ông L như đã nêu trên thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được quy định tại Điều 13 của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước;

3. Căn cứ vào Điều 6 Luật tổ tụng hành chính, yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường thiệt hại cho ông L do hành vi trái pháp luật của người bị kiện gây ra;

4. Xác định cơ quan phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông L do hành vi trái pháp luật nêu trên của người bị kiện gây ra. Tuyên buộc cơ quan này phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho đúng theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Tổng mức bồi thường thiệt hại cho ông là 11.360.000.000 đồng.

Đối với người bị kiện: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, người bị kiện không có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Người làm chứng là bà Phạm Thị T và ông Trần Văn N có lời khai vào ngày 17 và 18 tháng 5 năm 2018: chỉ xác định ông Trần Thành L có nuôi tôm ấp A, xã T, thời gian nuôi tôm đã lâu nên không nhớ. Ngoài việc biết ông L nuôi tôm thì bà T và ông N không biết thêm gì khác đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông L. Đồng thời bà T và ông N xin được vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án vì lý do sức khỏe.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện C, tuyên xử:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thành L đối với yêu cầu: Xác định hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T trong việc chỉ đạo lực lượng Thanh tra xây dựng xã T cưỡng chế, ngăn chặn không cho ông L xây dựng lại lán trại, nhà cửa bị sập do thiên tai gây ra vào ngày 19/9/2009 tại khu trang trại 03 ha nêu trên của ông L nhưng không lập biên bản vụ việc nêu rõ lý do hay xác định lỗi vi phạm (nếu có), khi chưa có quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành, khi chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh trực tiếp đến ông L và khu trang trại 03 ha nêu trên của ông L là hành vi hành chính trái pháp luật, vi phạm Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về “Tội lạm quyền trong thi hành công vụ”:

2. Đình chỉ đối với các yêu cầu sau:

- Xác định thiệt hại do hành vi trái pháp luật bị kiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và Thanh tra xây dựng xã T, huyện C gây ra cho ông như đã nêu trên thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được quy định tại Điều 13 của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước;

- Căn cứ vào Điều 6 Luật tổ tụng hành chính, yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường thiệt hại cho ông do hành vi trái pháp luật của người bị kiện gây ra;

- Xác định cơ quan phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông do hành vi trái pháp luật nêu trên của người bị kiện gây ra.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/12/2018, người khởi kiện ông Trần Thành L kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng pháp luật tố tụng về thu thập, đánh giá chứng cứ. Kiến nghị yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố khởi tố vụ án hình sự đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và Thanh tra xây dựng xã T, huyện C về hành vi đã có dấu hiệu cấu thành tội “Lạm quyền trong thi hành công vụ” theo Bộ luật hình sự năm 2015. Hoặc tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm để chờ kết luận điều tra của cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền về giải quyết tin báo tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện ông Trần Thành L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện c vì cấp sơ thẩm tiến hành các trình tự tố tụng chưa đúng. Cụ thể:

1. Không đưa ông Đoàn Minh S và ông Nguyễn Duy H là Thanh tra xây dựng xã T, huyện C vào tham gia tố tụng với T cách là người bị kiện.

2. Không triệu tập người làm chứng gồm ông Lê Tín Đ, ông Phan Văn T và ông Đỗ Thanh P tham gia tố tụng.

3. Không thông báo cho ông L biết kết quả lấy lời khai của ông Trần Văn N và bà Phạm Thị T.

4. Không tiến hành lấy lời khai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T theo Đơn yêu cầu ngày 19/4/2018 và Đơn yêu cầu ngày 15/3/2018.

5. Ông L cho rằng Văn bản số 2728/UBND ngày 03/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C đã xác định có hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T chỉ đạo Thanh tra xây dựng xã T ngăn chặn, cưỡng chế không cho ông L dựng lại lán trại bị sập do thiên tai vào ngày 22/9/2009.

6. Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng khi đưa vụ án ra xét xử trong khi chưa có kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra có thẩm quyền về giải quyết tin báo tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố là vi phạm nghiêm trọng. Ông L kiến nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố vụ án hình sự đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và Thanh tra xây dựng xã T, huyện C.

Đồng thời ông Trần Thành L có Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 08/7/2019 gồm các yêu cầu sau:

1. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, lý do Hội đồng xét xử sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng pháp luật tố tụng về thu thập, đánh giá chứng cứ; không đưa ông Đoàn Minh S và ông Nguyễn Duy H (chức danh: Thanh tra xây dựng xã T, huyện C) tham gia tố tụng với T cách là người bị

kiện; không triệu tập người làm chứng gồm ông Lê Tín Đ, ông Phan Văn T và ông Đỗ Thanh P gia tố tụng.

2. Nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm không đồng ý hủy Bản án sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm:

- Xác định hành vi của các ông Đoàn Minh S và ông Nguyễn Duy H (chức danh: Thanh tra xây dựng xã T, huyện C thời điểm năm 2009) vào ngày 22/9/2009 đã thực hiện cưỡng chế, ngăn chặn không cho ông L sửa chữa lại lán trại bị sập đổ hoàn toàn do bị thiên tai tại thửa đất số 36, tờ bản đồ thứ 56 xã T, huyện C, thuộc khu trang trại 3 ha của ông L, khi chưa có quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành, khi chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh trực tiếp đến ông L và khu trang trại 03 ha nêu trên của ông L là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Xác định hành vi của ông Châu Văn U (chức danh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C thời điểm năm 2009) vào ngày 22/9/2009 đã chỉ đạo lực lượng Thanh tra xây dựng xã T thực hiện cưỡng chế, ngăn chặn không cho ông L sửa chữa lại lán trại bị sập đổ hoàn toàn do bị thiên tai tại thửa đất số 36, tờ bản đồ thứ 56 xã T, huyện C, thuộc khu trang trại 3 ha của ông L, khi chưa có quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành, khi chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh trực tiếp đến ông L và khu trang trại 03 ha nêu trên của ông L là hành vi hành chính trái pháp luật.

3. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm đưa các ông Đoàn Minh S và ông Nguyễn Duy H (chức danh: Thanh tra xây dựng xã T, huyện C thời điểm năm 2009) vào tham gia tố tụng với T cách là người bị kiện; triệu tập các các ông Đoàn Minh S và ông Nguyễn Duy H tham gia phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

4. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm đưa các ông Lê Tín Đ, ông Phan Văn T và ông Đỗ Thanh P vào tham gia tố tụng với T cách là người làm chứng; triệu tập các các ông Đoàn Minh S và ông Nguyễn Duy H tham gia phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

5. Giữ nguyên yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với người bị kiện.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C có ý kiến tại Văn bản số 356/UBND ngày 25/4/2019 và Văn bản số 847/UBND ngày 12/6/2019: Không có hồ sơ thể hiện ngày 22/9/2009 Thanh tra xây dựng xã T, huyện C gồm 02 ông Đoàn Minh S và ông Nguyễn Duy H cưỡng chế, ngăn chặn không cho ông L dựng lại lán trại, nhà cửa bị sập do thiên tai gây ra. Đồng thời trong năm 2009 không có sự việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành quyết định cưỡng chế ngăn chặn hay văn bản từ chối việc xây dựng, sửa chữa công trình dựng lại lán trại, nhà cửa của ông L.

Người làm chứng là ông Đỗ Thanh P và ông Phan Văn T có lời khai vào ngày 14/6/2018: Do sự việc đã lâu nên không nhớ, cả hai từ chối làm chứng và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thành L:

Tính hợp lệ của kháng cáo:

Ngày 10/12/2018, Tòa án nhân dân huyện C nhận được đơn kháng cáo của ông Trần Thành L. Như vậy, đơn kháng cáo được gửi trong thời hạn phù hợp theo qui định tại Khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính.

Nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 204, Điều 205 Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ.

Tính có căn cứ của kháng cáo:

Tại đơn kháng cáo, ông L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng khi đưa vụ án ra xét xử trong khi chưa có kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra có thẩm quyền về giải quyết tin báo tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố là vi phạm nghiêm trọng. Ông L kiến nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố vụ án hình sự đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và Thanh tra xây dựng xã T, huyện C:

Ngày 15/9/2010, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định về việc giải quyết đơn khiếu nại số 449/VKS-P1 ngày 15/9/2010 của về việc trả lời khiếu nại của ông Trần Thành L đối với Chủ tịch và một số nhân viên xã T, huyện C có hành vi ngăn chặn không cho ông xây dựng, sửa chữa lán trại nuôi tôm sú. Theo đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật và quyết định bác đơn khiếu nại của ông L.

Căn cứ Phiếu thông báo số 6165/PC-CQCSĐT-PC03 ngày 19/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh gửi ông Trần Thành L trong đó có nội dung: Ngày 02/8/2017, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn tố cáo của ông Trần Thành L đề nghị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông báo kết luận, chứng cứ, lời khai của đương sự liên quan đến nội dung tố cáo của ông L gửi Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 24/8/2018, 24/9/2018 và 22/10/2018 với nội dung tố cáo ông Châu Văn U – nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, ông Trần Văn T – nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, ông Đoàn Văn S – nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và ông Huỳnh Cách M – nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi ban hành các văn bản và tiến hành cưỡng chế việc ông Trần Thành L cải tạo, xây dựng trên khu đất 03 ha tọa lạc tại khu vực M, ấp A, xã T,

huyện C; Ngày 31/8/2017, Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo số 3009/PTB-CQCSĐT-PC46 về việc từ chối thụ lý giải quyết và hướng dẫn ông Trần Thành L khởi kiện vụ việc ra Tòa án để được xem xét giải quyết theo quy định; ngày 08/3/2018, Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 739 về việc bác đơn khiếu nại của ông L, giữ nguyên quyết số 3009 ngày 31/8/2017.

Như vậy, việc khiếu nại của ông L đã được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Tuy nhiên, ông L vẫn liên tục làm đơn khiếu nại mặc dù nội dung đơn khiếu nại không có gì khác so với các đơn khiếu nại đã được trả lời trước đó. Do đó, ông L cho rằng Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử khi chưa có kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra có thẩm quyền là không có căn cứ. Kiến nghị của ông L về việc đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố vụ án hình sự đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và Thanh tra xây dựng xã T, huyện C là không có cơ sở chấp nhận.

Ông L cho rằng vào ngày 22/9/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đã có hành vi cưỡng chế ngăn chặn công trình xây dựng lán trại của ông L, hành vi này là hành vi trái pháp luật. Theo Công văn số 356/UBND ngày 25/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã T thì qua rà soát hồ sơ lưu trữ, không có hồ sơ nào thể hiện vào các ngày 20, 21, 22 tháng 9 năm 2009 ông Đoàn Minh S và ông Nguyễn Duy H cưỡng chế ngăn chặn công trình xây dựng lán trại của ông Trần Thành L mà chỉ lập biên bản ngưng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự đô thị đối với ông L. Ngoài ra, ông L không có tài liệu nào chứng minh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đã có hành vi chỉ đạo Thanh tra xây dựng xã T, huyện C. Đồng thời, những nhân chứng do ông L yêu cầu triệu tập cũng không trình bày được nội dung sự việc Thanh tra xây dựng xã T, huyện C cưỡng chế ngăn chặn công trình xây dựng lán trại của ông L. Do đó, không có cơ sở xác định vào ngày 22/9/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T có hành vi như ông L khởi kiện nên kháng cáo của ông L không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo yêu cầu đưa ông Đoàn Minh S và Nguyễn Duy H vào tham gia tố tụng trong vụ án với T cách là người bị kiện, nhận thấy cấp sơ thẩm đã giải thích về T cách tham gia tố tụng của ông S và ông H cho ông L. Đồng thời, ông S và ông H nếu có hành vi ngăn chặn ông L xây dựng lại lán trại cũng là thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân xã T phân công nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông L.

Ngoài các nội dung trên, ông L còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng như không công khai các biên bản ghi lời khai của người làm chứng cho ông biết, không triệu tập các người làm chứng theo yêu cầu của ông L. Các yêu cầu này đã được Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm thực hiện nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng của ông L.

Đối với các yêu cầu ông L đã rút trong phiên tòa sơ thẩm, cấp phúc thẩm không xét.

Từ phân tích trên, căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thành L, giữ

nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo: người khởi kiện ông Trần Thành L cho rằng bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông L là chưa đúng, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L, vì cấp sơ thẩm tiến hành các trình tự tố tụng chưa đúng.

Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính: Ngày 20 tháng 3 năm 2015, ông Trần Thành L khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T trong việc chỉ đạo lực lượng Thanh tra xây dựng xã T cưỡng chế, ngăn chặn không cho ông dựng lại lán trại, nhà cửa bị sập do thiên tai xảy ra vào ngày 22/9/2009 và yêu cầu bồi thường do hành vi trái pháp luật trên gây ra nên yêu cầu khởi kiện của ông L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Khoản 1 Điều 31 của Luật Tố tụng hành chính. Đơn khởi kiện của ông L nộp trong thời hiệu khởi kiện nên ngày 25 tháng 3 năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý vụ kiện đúng theo qui định tại Điểm a Khoản 2 Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 nay được qui định tại Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 3 Nghị quyết 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và theo hướng dẫn tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Về yêu cầu kháng cáo của ông L:

Xét yêu cầu xác định hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T trong việc chỉ đạo lực lượng Thanh tra xây dựng xã T cưỡng chế, ngăn chặn trong ngày 22/9/2009 không cho ông dựng lại lán trại, nhà cửa bị sập do thiên tai gây ra vào ngày 19/9/2009 tại khu trang trại 03 ha nêu trên của ông L, là hành vi hành chính trái pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L có cung cấp Công văn số 2728/UBND ngày 03/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C về trả lời đơn của ông Trần Thành L, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là văn bản của Ủy ban nhân dân huyện C có nội dung hướng dẫn áp dụng pháp luật về giấy phép xây dựng, không có nội dung xác định ngày 22/9/2009 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T chỉ đạo Thanh tra xây dựng xã T ngăn chặn không cho ông L dựng lại lán trại và nhà cửa bị sập do thiên tai. Ngoài ra, ông L cũng không cung cấp được cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh vào ngày 22/9/2009 có hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T trong việc chỉ đạo lực lượng Thanh tra xây dựng xã T cưỡng chế, ngăn chặn không cho ông L dựng lại lán trại, nhà cửa bị sập do thiên tai gây ra vào ngày 19/9/2009 tại khu trang trại 03 ha. Phía người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định không có hồ sơ thể hiện ngày 22/9/2009

Thanh tra xây dựng xã T, huyện C gồm 02 ông Đoàn Minh S và ông Nguyễn Duy H cưỡng chế, ngăn chặn không cho ông L dựng lại lán trại, nhà cửa bị sập do thiên tai gây ra. Trong năm 2009 không có sự việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành quyết định cưỡng chế ngăn chặn hay văn bản từ chối việc xây dựng, sửa chữa công trình dựng lại lán trại, nhà cửa của ông L. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của ông L. Xét yêu cầu kiến nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C và Thanh tra xây dựng xã T, huyện C đã vi phạm Điều 357 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về “Tội lạm quyền trong thi hành công vụ”. Ngoài ra, ông L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng khi đưa vụ án ra xét xử trong khi chưa có kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra có thẩm quyền về giải quyết tin báo tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố là vi phạm nghiêm trọng. Căn cứ Phiếu Thông báo số 3009/PTB-CQCSĐT-PC46 ngày 31/8/2017, Phiếu thông báo số 6165/PC-CQCSĐT-PC03 ngày 19/12/2018 có nội dung từ chối thụ lý giải quyết đơn tố cáo và hướng dẫn ông L khởi kiện vụ việc ra Tòa án và Quyết định giải quyết khiếu nại số 739 ngày 08/3/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra đã bác khiếu nại của ông L nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông L.

Xét thấy tại Tòa án cấp sơ thẩm ông L không yêu cầu giải quyết các yêu cầu gồm: Xác định thiệt hại do hành vi trái pháp luật bị kiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và Thanh tra xây dựng xã T, huyện C theo quy định tại Điều 13 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước; Yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường thiệt hại cho ông L do hành vi trái pháp luật của người bị kiện gây ra theo Điều 6 Luật tố tụng hành chính; Xác định cơ quan phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông do hành vi trái pháp luật nêu trên của người bị kiện gây ra. Buộc cơ quan này phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho đúng theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, tổng mức bồi thường thiệt hại cho ông L là 11.360.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy việc ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 56, Điểm b Khoản 1 Điều 143 và Điều 173 của Luật Tố tụng hành chính nên đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu trên là đúng quy định pháp luật tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

- Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đoàn Minh S và ông Nguyễn Duy H là Thanh tra xây dựng xã T, huyện C vào tham gia tố tụng với T cách là người bị kiện: Xét thấy, Thanh tra xây dựng xã T là lực lượng trực thuộc Ủy ban nhân dân xã T, có chức năng thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã T, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Thanh tra xây dựng xã T, dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T thực hiện hành vi ngăn chặn ông L sửa chữa, dựng lại lán trại bị sập, thực hiện hành vi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Ông L không đồng ý với hành vi của Thanh tra xây dựng xã T chính là không đồng ý với hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi hành chính bị kiện là của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là người bị kiện là đúng quy định pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định người bị kiện là ông Đoàn Minh S và ông Nguyễn Duy H – Thanh tra xây dựng xã T là có căn cứ.

- Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập người làm chứng gồm ông Lê Tín Đ, ông Phan Văn T và ông Đỗ Thanh P tham gia phiên tòa. Xét thấy tại hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện nhiều lần triệu tập những người làm chứng là ông Lê Tín Đ và ông Lê Văn T nhưng giấy triệu tập bị bưu điện hoàn trả do địa chỉ ông Tâm không có tên người nhận và địa chỉ ông Đức bị từ chối nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập được người làm chứng là có cơ sở. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm ông L thừa nhận do có nhầm lẫn nên cung cấp sai tên người làm chứng Lê Văn T là ông Phan Văn T nên yêu cầu Tòa án phúc thẩm triệu tập người làm chứng ông Phan Văn T và ông Đỗ Thanh P. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, người làm chứng ông Phan Văn T và ông Đỗ Thanh P có lời trình bày tại các bản tự khai của ngày 14/6/2018 là do sự việc đã lâu nên không nhớ, cả hai từ chối việc làm chứng và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập người làm chứng tham gia phiên tòa là có cơ sở, đồng thời việc ông L yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm triệu tập những người làm chứng tham gia phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận.

- Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho ông L biết kết quả lấy lời khai của ông Trần Văn N và bà Phạm Thị T. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành triệu tập lấy lời khai người làm chứng bà Phạm Thị T và lời khai của ông Trần Văn N vào ngày 17 và 18 tháng 5 năm 2018, nhưng qua tài liệu hồ sơ vụ án cũng như biên bản phiên tòa cho thấy không có tài liệu, văn bản thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã công bố lời khai của những người làm chứng nêu trên là thiếu sót. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp phúc thẩm phía ông L đã được tiếp cận và photo các tài liệu này.

- Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T theo Đơn yêu cầu ngày 19/4/2018 và Đơn yêu cầu ngày 15/3/2018. Xét thấy, tại Tòa án cấp sơ thẩm phía người bị kiện có đơn xin vắng mặt, đồng thời tại Tòa án cấp phúc thẩm người bị kiện có Văn bản số 356/UBND ngày 25/4/2019 và Văn bản số 847/UBND ngày 12/6/2019 trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu tiến hành lấy lời khai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là không còn cần thiết.

- Xét các yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định hành vi của các ông Đoàn Minh S và ông Nguyễn Duy H (chức danh: Thanh tra xây dựng xã T, huyện C thời điểm năm 2009) vào ngày 22/9/2009 đã thực hiện cưỡng chế, ngăn chặn không cho ông L sửa chữa lại lán trại bị sập đổ hoàn toàn do bị thiên tai tại thửa đất số 36, tờ bản đồ thứ 56 xã T, huyện C, thuộc khu trang trại 3 ha của ông L, khi chưa có quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành, khi chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh trực tiếp đến ông L và khu trang trại 03 ha nêu trên của ông L là hành vi hành chính trái pháp luật. Ông L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm đưa ông Đoàn Minh S và ông Nguyễn Duy H (chức danh: Thanh tra xây dựng xã T, huyện C thời điểm năm 2009) vào tham gia phiên tòa đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời xác định hành vi của ông Châu Văn U (chức danh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C thời điểm năm 2009) vào ngày 22/9/2009 đã chỉ đạo lực lượng Thanh tra xây dựng xã T thực hiện cưỡng chế, ngăn chặn không cho ông L sửa chữa lại lán trại bị sập đổ hoàn toàn do bị thiên tai tại thửa đất số 36, tờ bản đồ thứ 56 xã T, huyện C, thuộc khu trang trại 3 ha của ông L, khi chưa có quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành, khi chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan

Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh trực tiếp đến ông L và khu trang trại 03 ha nêu trên của ông L là hành vi hành chính trái pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông L không có yêu cầu xem xét các yêu cầu này, do vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm nên không chấp nhận các yêu cầu này của ông L.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác đơn khởi kiện của ông Trần Thành L là có căn cứ, kháng cáo của ông Trần Thành L đề nghị tuyên hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của ông Trần Thành L và giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Bác kháng cáo của của ông Trần Thành L.

Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Thành L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo biên lai số 04373 ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Trần Thành L đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Thành L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AG/2011/06216 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Thành L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Phụng